

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 3 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đạt Thông

Ông Nguyễn Trần Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trần Mai Tâm, Thư ký- Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Kim Mau, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Anh Đ trình bày: Vào năm 2003, chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 20/02/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống và làm việc tại ấp Vĩnh Khánh, xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên thời gian gần đây, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cự cãi

với nhau do bất đồng quan điểm trong việc làm và trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể tự giải quyết được, nên chị bỏ đi, mục đích hôn nhân không đạt được nay nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 18/10/2004 và Nguyễn L, sinh ngày 20/3/2012. Sau khi ly hôn, chị xin giao quyền chăm sóc nuôi con tên Nguyễn L cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con, còn Nguyễn Thiên B đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Anh Đ, tuy nhiên anh có gửi đơn xin xét xử vắng mặt về nội dung đơn anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Anh Đ và thống nhất trong quá trình chung sống anh và chị Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 18/10/2004 và Nguyễn L, sinh ngày 20/3/2012, anh đồng ý nhận nuôi con là Nguyễn L, tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con, còn lại con Nguyễn Thiên B đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã vắng mặt trong quá trình tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Anh Đ; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, về con chung: Giao con Nguyễn L, sinh ngày 20/3/2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng cháu L), về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng, nên không xem xét. Riêng con tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 18/10/2004 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung chị Đ và anh T khai không có nên không xem xét; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, buộc chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Anh Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và anh, chị không có 02 người con chung; tài sản và nợ chung không có nên xác định đây là vụ kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú trên địa bàn huyện H, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Anh Đ và anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Anh Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/02/2004 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Theo chị Đ trình bày sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống và làm việc tại ấp Vĩnh Khánh, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau thường hay cãi nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng không thể giải quyết nên chị bỏ đi, nay chị không còn tình cảm với anh T nên đã làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử, xét thấy trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án, qua nhiều lần Tòa án mời chị Đ đến để tác động cho chị Đ suy nghĩ lại về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T nhưng chị vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh T khó có thể hàn gắn lại được do anh T không có thiện chí để hòa giải, mặc dù anh T vẫn biết là chị Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn được Tòa án gửi giấy mời nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để hòa giải, chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn lại với chị Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của chị Đ và đơn xin xét xử vắng mặt của anh T có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T không thể kéo dài do các bên không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn T có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 18/10/2004 và Nguyễn L, sinh ngày 20/3/2012; Chị Đ đồng ý giao con tên Nguyễn L cho anh T nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý nhận tiếp tục nuôi con vì con đang sống chung với anh, tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy về vấn đề nuôi con giữa chị Đ và anh T tự thỏa thuận được với nhau không trái quy định của pháp luật và phù hợp theo nguyện vọng của cháu L nên chấp nhận. Riêng con tên Nguyễn Thiên B đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Anh Đ và anh Nguyễn Văn T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Anh Đ và anh Nguyễn Văn T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Anh Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Anh Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn L, sinh ngày 20/3/2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng cháu L), về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng con tên Nguyễn Thiên B, sinh ngày 18/10/2004 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời chị Đ cũng phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với anh T. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, sau khi ly hôn chị Đ và anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Anh Đ và anh Nguyễn Văn T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Anh Đ và anh Nguyễn Văn T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, buộc chị Nguyễn Anh Đ phải chịu, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014479, ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H thì chị Đ đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh